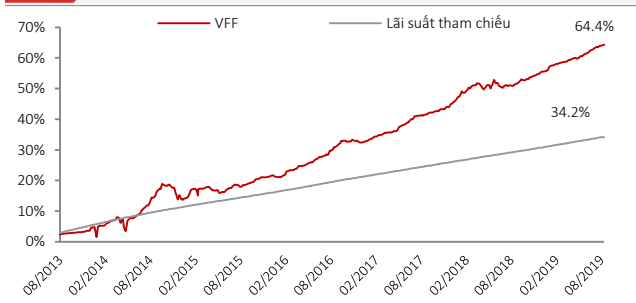


## VFF Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập (05/2013 – 08/2019)



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. SE có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

### Kết quả hoạt động so với lãi suất tham chiếu

	VFF	4 SOCBs 3M deposit <sup>1</sup>	4 SOCBs 12M deposit <sup>2</sup>	VCB 12M deposit <sup>3</sup>
Tổng Tài Sản (tỷ VNĐ)	160.8			
NAV/CCQ, VNĐ	16,435			
<b>Tăng trưởng NAV<sup>4</sup></b>				
So với tháng trước	0.5%			
Từ đầu năm	5.7%	3.3%	4.5%	4.5%
<b>Quy thành năm</b>				
2019	8.5%	5.0%	6.8%	6.7%
2018	6.8%	4.7%	6.7%	6.5%
2017	9.9%	4.8%	6.7%	6.5%
2016	9.0%	5.1%	6.6%	6.4%
2015	6.7%	4.7%	6.1%	6.1%
2014	8.8%	5.9%	7.1%	7.0%
2013	6.3%	5.2%	5.8%	5.8%
Từ ngày thành lập	8.0%	5.1%	6.5%	6.4%
<b>Tổng lợi nhuận từ ngày thành lập</b>	<b>64.4%</b>	<b>34.2%</b>	<b>43.8%</b>	<b>43.2%</b>

<sup>1</sup> NAV là lợi nhuận thuần sau khi trừ phí quản lý và chi phí vận hành  
<sup>2</sup> Lãi suất tham chiếu: Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN (VCB, BIDV, Vietin và Agri)  
<sup>3</sup> Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN  
<sup>4</sup> Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của VCB

### Thông tin về Quỹ

Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý thường niên	1,2%
Phí phát hành	0,0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>2,5% &lt; 12 tháng</li> <li>1,5% &gt; / = 12 và &lt; 24 tháng</li> <li>0,75% &gt; / = 24 tháng</li> </ul>
Mức đầu tư tối thiểu	VND2.000.000 / ~USD90
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PwC Vietnam
Định kỳ giao dịch	Hàng tuần, vào ngày thứ Ba
Lãi suất tham chiếu	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

### Chiến lược đầu tư

#### Phân bổ tài sản

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Đầu tư đến 15% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán niêm yết có nền tảng tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và có cơ cấu ổn định nhằm hạn chế rủi ro khi giá giảm.

#### Mục tiêu đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Giám đốc Quản lý danh mục: Bà Nguyễn Thị Xuân Dung  
[dung.xuan.nguyen@vinacapital.com](mailto:dung.xuan.nguyen@vinacapital.com)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: [jrw@vinacapital.com](mailto:jrw@vinacapital.com)  
 Tel: +84 8 38 27 85 35

### Tổng quan về Quỹ

Cấu trúc Quỹ

Quỹ mở Trái phiếu

Mức rủi ro

THẤP

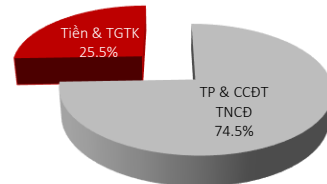
Mức lợi nhuận

THẤP TB CAO

Mức phí

THẤP TB CAO

### Phân bổ tài sản



### Hiệu quả đầu tư

Giá trị tài sản ròng (GTTSR) trên mỗi chứng chỉ quỹ của VFF đạt 16,435 VNĐ tại thời điểm cuối tháng 8/2019, tăng 0.5% so với tháng trước và 5.7% tính từ đầu năm. Mức tăng trưởng GTTSR của VFF trong tháng 8 nhờ vào lợi nhuận tích lũy từ các khoản đầu tư trái phiếu và các công cụ thu nhập cố định khác và thặng dư vốn trên các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết;

Tính đến cuối tháng 8/2019, tổng GTTSR của VFF đạt 160,8 tỷ đồng (6,9 triệu USD) so với mức 183,7 tỷ đồng (7,9 triệu USD) tại thời điểm cuối tháng 7. Trái phiếu và các khoản đầu tư thu nhập cố định chiếm 74.5% tổng GTTSR và VFF duy trì 25,5% tổng GTTSR của quỹ bằng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn cho các cơ hội đầu tư mới và đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

### Thị trường trái phiếu

**Thị trường trái phiếu sơ cấp:** Kho Bạc Nhà Nước (KBNN) là tổ chức phát hành duy nhất trong tháng 8/2019 và huy động được 10,8 nghìn tỷ VNĐ (0,5 tỷ USD) trái phiếu với kỳ hạn từ 5 đến 30 năm. Tổng giá trị phát hành tháng 8 giảm 66% so với tháng 7/2019. Nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm với tỷ lệ phát hành chiếm 40% so với tổng giá trị phát hành trong tháng.

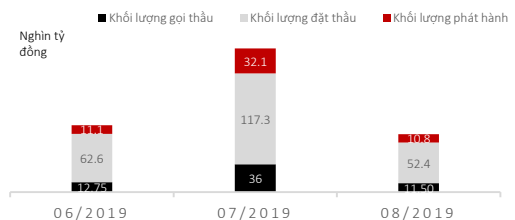
Lợi suất trái phiếu KBNN giảm từ 20 đến 30 điểm cơ bản ở các kỳ hạn. Cụ thể, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm giảm nhiều nhất là 30 điểm cơ bản, còn lợi suất của các kỳ hạn khác đều đồng loạt giảm 20 điểm. Sau 8 tháng năm 2019, KBNN đã huy động thành công 144,1 nghìn tỷ đồng (6,2 tỷ USD) trái phiếu, hoàn thành 55% kế hoạch trong năm 2019.

**Thị trường trái phiếu thứ cấp:** Thị trường trái phiếu thứ cấp tháng 8 sôi động hơn so với tháng trước do nhu cầu đầu tư tăng cao từ việc lợi suất giảm. Tổng giá trị giao dịch trong tháng 8 đạt 99,16 nghìn tỷ VNĐ (4,3 tỷ USD) từ mức 97,2 nghìn tỷ VNĐ (4,2 tỷ USD) trong tháng 7 tương đương mức tăng 2.9% so với tháng trước. Do đó, lợi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) thứ cấp ghi nhận mức giảm từ 18 đến 40 điểm cơ bản ở các kỳ hạn so với tháng trước.

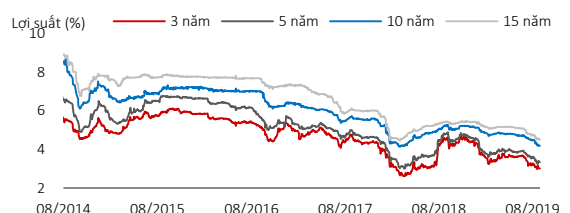
Trong năm 2019, KBNN đặt mục tiêu phát hành 260 nghìn tỷ VNĐ (11,2 tỷ USD) trái phiếu kỳ hạn từ 5 đến 30 năm qua hình thức đấu thầu và chi tiết như sau:

Kỳ hạn	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm	Tổng
Khối lượng, tỷ đồng	40,000	30,000	70,000	78,000	20,000	22,000	260,000

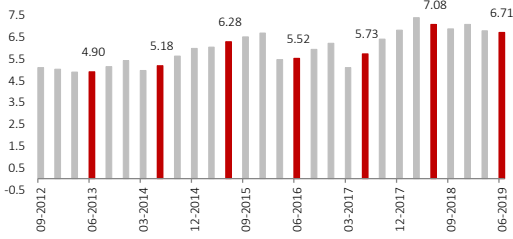
### Kết quả đấu thầu trái phiếu sơ cấp



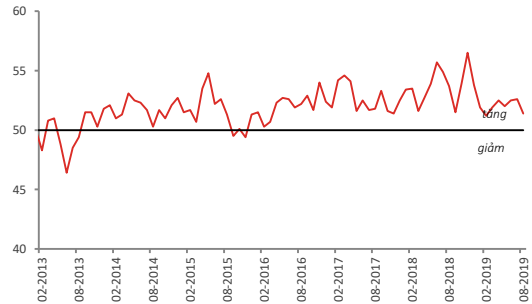
### Lợi suất trái phiếu thứ cấp



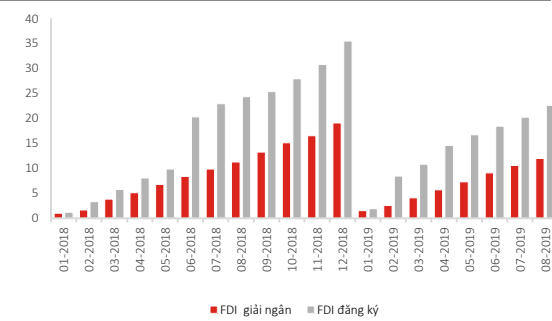
## Tăng trưởng GDP theo quý (%)



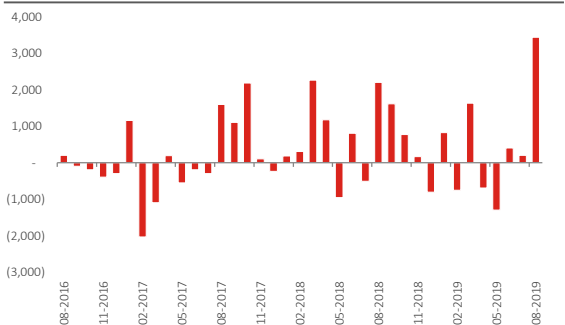
## Chỉ số quản trị mua hàng Nikkei (PMI)



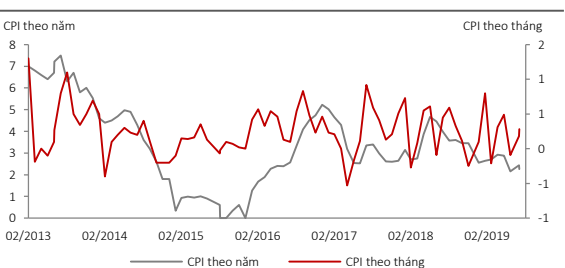
## FDI đăng ký và giải ngân, số lũy kế (tỷ USD)



## Cán cân thương mại hàng tháng (triệu USD)



## Lạm phát theo năm và theo tháng (%)



## Cập nhật thị trường vĩ mô, 08/2019

Lạm phát giá tiêu dùng Việt Nam (CPI) giảm nhẹ từ 2,4% trong tháng 7 xuống 2,3% trong tháng 8/2019, mặc dù CPI tháng 8/2019 giảm 4% so với cùng kỳ, do lạm phát giá lương thực chậm lại, và giá dầu giảm khoảng 20% so với cùng kỳ. Cả hai góp phần làm giảm tỷ lệ lạm phát cơ bản xuống 1%.

Việc lạm phát giá lương thực giảm có liên quan đến dịch tả lợn Châu Phi (ASF), đã được đề cập đến trong báo cáo tháng trước. Chủng tòi kỳ vọng giá thịt lợn, chiếm 6% trong rổ CPI cả nước, sẽ bắt đầu tăng lên trên mức cân bằng của năm do tình trạng thiếu hụt trở nên nghiêm trọng hơn. Để so sánh, lạm phát lương thực tại Trung Quốc ở khoảng 9% do giá thịt lợn tăng khoảng 100% so với cùng kỳ.

Tiếp theo, sự tăng trưởng doanh số bán lẻ thực tế tại Việt Nam, là một cách đo lường chính xác của mức tiêu dùng (chiếm 65% GDP), không thay đổi ở mức 9% so với cùng kỳ trong 8 tháng đầu năm 2019 (8M19). Theo đó, GDP Việt Nam vẫn trên đà tăng trưởng ở mức 6,8% trong Q3/2019, không thay đổi so với nửa đầu năm 2019 (1H19).

Điều đó cho thấy rằng, chỉ số quản lý mua hàng (PMI) của Việt Nam giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 6 tháng ở mức 51,4 trong 8/2019, cùng với sự sụt giảm PMI trên toàn thế giới. Lưu ý rằng chỉ số PMI của ASEAN giảm xuống 48,9 trong tháng 8, và khoảng 70% các thị trường lớn trên thế giới đều có mức PMI dưới 50 trong tháng 8, đồng nghĩa với việc sản xuất đang thu hẹp lại.

Tăng trưởng các cơ sở công nghiệp tại Việt Nam đang được hỗ trợ bởi mức tăng 6,3% từ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), với con số giải ngân ở mức 12 tỷ USD, mặc dù mức FDI đăng ký giảm 31% so với cùng kỳ xuống còn 13 tỷ USD trong 8M19. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là số giảm sút này là do khoản FDI cao bất thường vào tháng 6/2018, bao gồm cả 4,1 tỷ USD vào dự án bất động sản tại Hà Nội.

Đồng thời, vốn FDI từ Trung Quốc đã tăng gấp đôi từ 1,2 tỷ USD trong 8M18 lên 2,8 tỷ USD trong 8M19, do các công ty tìm cách lách thuế nhập khẩu vào Hoa Kỳ. Một hệ quả khác của chiến tranh thương mại là lượng hàng xuất khẩu từ Việt Nam vào Hoa Kỳ tăng 25% so với cùng kỳ, trùng hợp với con số 18% tăng trưởng lượng nhập khẩu từ Trung Quốc, dẫn đến việc Hoa Kỳ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam (23% tổng giá trị xuất khẩu), và Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất (18% tổng giá trị nhập khẩu).

Các diễn biến trên đang theo hướng tích cực cho nền kinh tế Việt Nam, nhưng cũng gây các lo ngại từ việc các công ty nội địa Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc và tái xuất khẩu sang Hoa Kỳ, điều này khiến Việt Nam dễ đối mặt với các biện pháp trừng phạt từ Hoa Kỳ, đặc biệt vì thịnh dư thương mại với Hoa Kỳ tăng lên từ 22 tỷ USD trong 8M18 đến 29 tỷ USD trong 9M19. Chính phủ Việt Nam đã tăng cường kiểm tra hàng hóa để ngăn chặn việc xuất khẩu không đúng cách.

Xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng vọt giúp tổng xuất khẩu tăng 8,1% trong 8M19 so với cùng kỳ, đưa thịnh dư thương mại của Việt Nam lên 5,4 tỷ USD trong 8M19 (so với thịnh dư 4,9 tỷ USD trong 8M19), theo thống kê từ Tổng Cục Hải quan Việt Nam. Trái ngược với sự tăng trưởng nêu trên, cùng với việc CNY mất giá khoảng 4% so với USD trong tháng, giá trị không chính thức của VND không thay đổi; đồng VND chính thức mất giá 0,5% trong khoảng thời gian tỷ giá USD-CNY vượt mức tâm lý '7', nhưng sau đó tăng trở lại đến cuối tháng.

Cuối cùng, mức lãi suất liên ngân hàng trong hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn ở mức dưới 3% liên tục trong tháng, làm cho lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm mất 30 điểm xuống còn 4,1%. Tuy nhiên, lãi suất mà các ngân hàng thương mại nhỏ hơn phải trả cho khách hàng tăng thêm khoản 20 điểm, do việc thắt chặt quy định quản lý tài sản-công nợ (ALM). Các ngân hàng nhỏ phải trả mức lãi suất trên 8% đối với tiền gửi 1 năm, tương đương 5% lãi suất thực tế (lãi suất điều chỉnh theo lạm phát), mức lãi suất này đủ để thay thế phần nào cho việc đầu tư vào thị trường chứng khoán, việc này giúp giải thích việc chỉ số VN-index gần như không thay đổi vào cuối tháng.

## Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

		08/2019	07/2019	2018A	2019F
GDP	% y/y	N/A	N/A	7.08	6.60 - 6.80
PMI		51.4	52.6	53.8	
CPI, bình quân	% y/y	2.26	2.64	3.45	3.57
Cán cân thương mại, lũy kế	USD tỷ	3.71	1.79	7.78	6.81
	Nhập khẩu % y/y	8.5	8.3	11.58	13.70
	Xuất khẩu % y/y	7.3	7.5	14.24	14.42
FDI, Đăng ký	USD tỷ	22.63	20.22	35.46	
FDI, Giải ngân	USD tỷ	12.00	10.60	19.10	
Dự trữ ngoại hối	USD tỷ	66.00	66.00	60.00	65.00
USD/VND	VND	23,196	23,205	22,655	23,880

Số liệu dự báo được tổng hợp từ SSI Research

### Ghi chú quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Các thông tin trong tài liệu này không có bất kỳ hàm ý hay chỉ dẫn là đã được phê duyệt bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền. Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga giảm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo đưa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.

Không có bất kỳ sự cam đoan, cam kết, bảo đảm hoặc chắc chắn nào dù là rõ ràng hay ngụ ý được đưa ra bởi hoặc thay mặt Công ty hoặc các giám đốc, nhân viên, đối tác, người lao động, đại lý hoặc bên tư vấn hoặc bất kỳ người nào khác về sự chính xác hoặc hoàn chỉnh của những thông tin và ý kiến nêu ra tại đây và những người nói trên cũng sẽ không có bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với những thông tin hoặc ý kiến này hoặc đối với bất kỳ lỗi, thiếu sót, tuyên bố sai, bất cập hoặc vấn đề nào khác đối với bất kỳ thông tin liên lạc nào bằng văn bản hoặc bằng cách khác.

Những thông tin này không được sao chép, chuyển giao lại cho bất kỳ người nào hoặc phải hoàn toàn bộ hoặc một phần vì bất kỳ mục đích gì. Thông qua việc chấp nhận văn bản này, Quý khách hàng đồng ý bị ràng buộc bởi những hạn chế nêu trên.

Không có trạng nào hoặc bản sao nào được thực hiện hoặc chuyển đi hoặc giao trong phạm vi bất kỳ quyền tài phán nào nơi mà việc chuyển giao những tài liệu đó bị cấm theo luật chứng khoán hiện đang áp dụng. Việc không tuân thủ những hạn chế này có thể dẫn đến việc vi phạm luật chứng khoán quốc gia.